

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp, chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá**

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp, chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết điểm e khoản 10 Điều 14 của Luật Giá về đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; điểm e và h khoản 2 Điều 53 của Luật Giá về trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp và chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá; khoản 1 Điều 65 của Luật Giá về chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan quản lý nhà nước về giá, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá**

#### 1. Nội dung đánh giá

- a) Duy trì điều kiện hoạt động thẩm định giá;
- b) Chấp hành quy định của pháp luật về thẩm định giá và tuân thủ nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá;
- c) Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động xây dựng và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, tổ chức;
- d) Tham gia phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế;
- đ) Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Bộ, ngành, địa phương;
- e) Tham gia phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thẩm định giá.

2. Kỳ đánh giá từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm liền trước năm tổ chức thực hiện đánh giá.

Trong giai đoạn từ ngày 15 tháng 4 đến hết ngày 31 tháng 5 hằng năm, Cục Quản lý giá tổ chức đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá đối với các doanh nghiệp thẩm định giá đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trước kỳ đánh giá;
- b) Đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá từ 6 tháng trở lên trong kỳ đánh giá;
- c) Đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá trong giai đoạn tổ chức thực hiện đánh giá.

Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm nộp báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư này để làm cơ sở cho việc đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá.

3. Việc đánh giá được thực hiện bằng phương thức chấm điểm theo các nội dung đánh giá trên cơ sở tổng hợp, thống kê từ các nguồn thông tin sau:

- a) Thông tin, số liệu tại Báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;
- b) Thông tin, số liệu có được trong quá trình quản lý nhà nước về thẩm định giá đối với doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá;

c) Thông tin phản ánh từ Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân (nếu có).

4. Nội dung đánh giá theo từng mức độ hoạt động thông qua điểm số chi tiết cho từng chỉ tiêu thành phần (chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

5. Việc đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá. Kết quả đánh giá được Cục Quản lý giá công khai trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Kết quả đánh giá không phản ánh chất lượng của các Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo thẩm định giá cụ thể của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá.

#### **Điều 4. Trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá thì phải trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp với mức trích hằng năm là 1% trên doanh thu dịch vụ thẩm định giá (doanh thu không có thuế giá trị gia tăng), được trích vào cuối năm tài chính và được hạch toán như trường hợp trích lập dự phòng phải trả.

2. Trường hợp dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp có số dư cuối năm tài chính vượt mức 10% doanh thu dịch vụ thẩm định giá (doanh thu không có thuế giá trị gia tăng) tính trung bình trong 03 năm gần nhất, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập đối với phần vượt mức và hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế nội bộ quản lý và sử dụng dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

4. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thẩm định giá thì số dư dự phòng rủi ro nghề nghiệp đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

#### **Điều 5. Chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 3 hằng năm, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện báo cáo theo mẫu Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01

tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm liền trước năm thực hiện báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện báo cáo;

b) Định kỳ sau ngày 15 tháng 12 của năm, doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo theo mẫu Báo cáo rà soát danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu của báo cáo là ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ quy định tại Khoản 1 Điều này được gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Bộ Tài chính;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Gửi qua fax hoặc thư điện tử theo địa chỉ [baocaotdg@mof.gov.vn](mailto:baocaotdg@mof.gov.vn) (bản scan);
- d) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng của Bộ Tài chính (nếu có).

3. Báo cáo đột xuất: Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện báo cáo đột xuất đối với các nội dung liên quan đến việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- a) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá);
- b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để phục vụ xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm liên quan đến chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá phát hành theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm toán nhà nước, tố tụng hình sự.

4. Doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu tại các báo cáo.

## **Điều 6. Chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá**

1. Nội dung chi và mức chi phục vụ cho hoạt động thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật Giá gồm:

a) Chi công tác phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Chi khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần thẩm định giá thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Chi báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn phục vụ công tác thẩm định giá tài sản của hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 42/2022/TT-BTC), mức chi 1.200.000 đồng/báo cáo và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

d) Chi họp hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

đ) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu phục vụ công tác thẩm định giá tài sản theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao;

e) Chi thuê người có chứng nhận chuyên môn theo quy định làm thành viên hội đồng thẩm định giá, thuê tổ chức giám định thực hiện việc giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng của tài sản, thuê thẩm định giá tài sản (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

g) Đối với những khoản chi liên quan đến hoạt động thẩm định giá không quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này, thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được quy định tại Thông tư này và tại các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được thực hiện cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính



sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Hằng năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá lập dự toán ngân sách phục vụ hoạt động thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong năm phát sinh các nhiệm vụ đột xuất, được lập bổ sung dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

4. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các quy định sau hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024:

a) Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

b) Điều 2 của Thông tư số 76/2020/TT-BTC ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá; Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành;

c) Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá;

d) Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

đ) Thông tư số 25/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội thẩm định giá Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLG (400b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Tấn Cận**

## Phụ lục I

### BẢNG CHI TIẾT NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

#### DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thông tư số 38/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Điểm số
<b>I. Duy trì điều kiện hoạt động thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 25 điểm</b>
<b>1.1. Bảo đảm và duy trì điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
- Trường hợp có thời gian không bảo đảm duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá từ 3 tháng liên tục trở lên	0 điểm
- Trường hợp có thời gian không bảo đảm duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá dưới 3 tháng liên tục	2 điểm
- Trường hợp luôn bảo đảm và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	5 điểm
<b>1.2. Số lượng thẩm định viên về giá</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
- Số lượng thẩm định viên về giá tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 5 đến dưới 7 thẩm định viên về giá	2 điểm
- Số lượng thẩm định viên về giá tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 7 đến 10 thẩm định viên về giá	3 điểm
- Số lượng thẩm định viên về giá hành nghề tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 11 đến 15 thẩm định viên về giá	4 điểm
- Số lượng thẩm định viên về giá hành nghề tính trung bình trong thời kỳ đánh giá trên 15 thẩm định viên về giá	5 điểm
<b>1.3. Số lượng chứng thư thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 2,5 điểm</b>
- Phát hành dưới 500 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	1 điểm
- Phát hành từ 500 đến dưới 1000 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	1,5 điểm
- Phát hành từ 1000 chứng thư thẩm định giá đến dưới 5000 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	2 điểm
- Phát hành từ 5000 chứng thư thẩm định giá trở lên trong thời kỳ đánh giá	2,5 điểm
<b>1.4. Doanh thu cung cấp dịch vụ thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 2,5 điểm</b>
- Dưới 5 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	1 điểm
- Từ 5 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	1,5 điểm
- Từ 15 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	2 điểm
- Trên 30 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	2,5 điểm
<b>1.5. Số lượng chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>



<b>Chi tiêu</b>	<b>Điểm số</b>
- Duy trì 01 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	2 điểm
- Duy trì từ 2 đến 3 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	3 điểm
- Duy trì từ 4 đến 5 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	4 điểm
- Duy trì từ 6 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trở lên trong thời kỳ đánh giá	5 điểm
<b>1.6. Cung cấp dịch vụ thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
- 01 lĩnh vực (thẩm định giá tài sản)	3 điểm
- Cả 02 lĩnh vực (thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp)	5 điểm
<b>II. Chấp hành quy định của pháp luật về thẩm định giá và tuân thủ nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 50 điểm</b>
<b>2.1. Chấp hành quy định về báo cáo thường xuyên, đột xuất trong thời kỳ đánh giá</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
- Báo cáo thường xuyên đúng hạn	4 điểm
- Báo cáo đột xuất đầy đủ (trường hợp trong kỳ đánh giá, doanh nghiệp không được yêu cầu báo cáo đột xuất thì được chấm 1 điểm)	1 điểm
<b>2.2. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 30 điểm</b>
- Nếu vi phạm hành chính về thẩm định giá (bao gồm cả vi phạm hành chính của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp trừ các trường hợp sau: vi phạm quy định tại điểm 2.1, đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; có thẩm định viên bị tước thẻ thẩm định viên về giá): trừ 10 điểm nếu vi phạm 1 lần, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.2	
- Nếu bị xử lý vi phạm hành chính kèm theo hình thức đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị trừ hết số điểm tại mục 2.2	
- Nếu bị xử lý vi phạm hành chính kèm theo hình thức tước thẻ thẩm định viên về giá đối với từ 01 thẩm định viên về giá trở lên bị trừ hết số điểm tại mục 2.2	
<b>2.3. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh của tổ chức/cá nhân đối với chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá phát hành gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá); không có phản ánh/kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lỗi của thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp phẩm định giá</b>	<b>Tối đa 15 điểm</b>
- Nếu có đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức/cá nhân đối với chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá hoặc có phản ánh/kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lỗi của thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp phẩm định giá thì mỗi vụ việc bị trừ 1 điểm, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.3.	
- Nếu có đơn phản ánh về việc doanh nghiệp thẩm định giá không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm những thỏa thuận trong hợp đồng thẩm định giá hoặc trong trường hợp hoạt động thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá thì mỗi vụ việc bị trừ 1 điểm, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.3.	

Chỉ tiêu	Điểm số
<b>III. Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động xây dựng và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, tổ chức</b>	<b>Tối đa 10 điểm</b>
<i>3.1. Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chủ trì soạn thảo trong thời kỳ đánh giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính có lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá	
- Tham gia dưới 30% số lượng văn bản	2 điểm
- Tham gia từ 30% đến dưới 50% số lượng văn bản	3 điểm
- Tham gia đúng hạn từ 50% đến dưới 80% số lượng văn bản hoặc tham gia từ 80% số lượng văn bản nhưng không đúng hạn	4 điểm
- Tham gia đúng hạn từ 80% số lượng văn bản	5 điểm
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá	5 điểm
<i>3.2. Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham dự Hội nghị thường niên giám đốc thẩm định giá</i>	<i>2,5 điểm</i>
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không tổ chức Hội nghị thường niên giám đốc thẩm định giá	2,5 điểm
<i>3.3. Tham dự các hội nghị tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổ chức trong thời kỳ đánh giá</i>	<i>Tối đa 2,5 điểm</i>
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính có tổ chức hội nghị	
- Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia nhưng dưới 30% số lượng hội nghị	1 điểm
- Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia từ 30% đến dưới 50% số lượng hội nghị	1,5 điểm
- Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia từ 50% đến dưới 80% số lượng hội nghị	2 điểm
- Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia trên 80% số lượng hội nghị	2,5 điểm
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không tổ chức hội nghị	2,5 điểm
<b>IV. Tham gia phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
- Có thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp tham dự Hội nghị do Hiệp hội các nhà thẩm định viên về giá ASEAN (AVA) tổ chức	1,5 điểm/mỗi thẩm định viên tham gia, tối đa 3 điểm
- Có thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp tham dự Hội nghị do Hội đồng tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế (IVSC) tổ chức	2 điểm

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Điểm số</b>
<b>V. Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Bộ, ngành, địa phương</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
Có tham gia tư vấn hỗ trợ hoạt động định giá của Nhà nước, thẩm định giá của Nhà nước, định giá trong tổ tụng hình sự	Mỗi cuộc tư vấn được cộng 1 điểm, tối đa 5 điểm
<b>VI. Tham gia phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thẩm định giá</b>	<b>Tối đa 5 điểm</b>
Thẩm định viên về giá là đại diện pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá có bài báo, nghiên cứu khoa học về thẩm định giá đã được đăng tải:	Tối đa 5 điểm
6.1. Trên các tạp chí có chuyên mục thẩm định giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép	0,5 điểm/bài, tối đa 2 điểm
6.2. Trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành kinh tế theo quy định của pháp luật	1 điểm/bài
<b>Tổng cộng</b>	<b>100 điểm</b>

**Phụ lục II**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH GIÁ**

*(Kèm theo Thông tư số 38/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**MÃ SỐ: ...../TĐG**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO**

**Tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động  
thẩm định giá**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Công ty ..... báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm ..... như sau:

**1. Tình hình chung về doanh nghiệp**

- Tên của doanh nghiệp thẩm định giá;

- Loại hình doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ giao dịch:

- Email và số điện thoại liên hệ (nếu có):

- Mã số doanh nghiệp thẩm định giá theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp: ...../TĐG, cấp lần đầu đầu ngày ....., cấp lại lần thứ ..... ngày .....

- Thông tin về đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá, gồm: họ và tên, năm sinh, giới tính, số thẻ thẩm định viên về giá;

- Tên gọi, người đứng đầu và địa chỉ của các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;

- Chi tiết mức vốn góp của các thành viên là tổ chức (nếu có) đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần trong năm và người đại diện

phần vốn góp của tổ chức; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo;

- Chi tiết mức vốn góp tại thời điểm báo cáo của các thẩm định viên về giá tại công ty; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo.

- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: có/không

+ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo hiểm, số hợp đồng bảo hiểm (nếu có):...

- Trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp: có/không

+ Mức trích lập dự phòng của năm báo cáo:....; Tổng số dư trích lập dự phòng:....

## 2. Hoạt động thẩm định giá trong kỳ báo cáo

### 2.1. Chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá theo loại hình dịch vụ:

CHỈ TIÊU	Số lượng chứng thư thẩm định giá phát hành		Tổng giá trị tài sản thẩm định giá (theo chứng thư)		Doanh thu thuần (doanh thu thực nhận theo hợp đồng, Đvt: triệu đồng)	
	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước
<b>Tổng số</b>						
Trong đó:						
<b>(1) Sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước</b>						
1.1. Bất động sản						
1.2. Động sản						
1.3. Giá trị doanh nghiệp						
1.4. Khác						
<b>(2) Sử dụng nguồn vốn khác</b>						
1.1. Bất động sản						
1.2. Động sản						
1.3. Giá trị doanh nghiệp						
1.4. Khác						

### 2.2. Kết quả hoạt động thẩm định giá

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước (hạch toán chính xác)
1. Tổng doanh thu hoạt động thẩm định giá		

2. Tổng chi phí hoạt động thẩm định giá		
3. Lợi nhuận ròng của hoạt động thẩm định giá		

**2.3. Tư vấn hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá**

Số lượng cuộc tư vấn (nếu có) kèm theo tài liệu chứng minh.

**2.4. Hoạt động nghiên cứu**

Số lượng bài báo, nghiên cứu khoa học đã được đăng tải trên các tạp chí có chuyên mục thẩm định giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, các tạp chí thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành kinh tế theo quy định của pháp luật (nếu có) kèm theo tài liệu chứng minh gồm: bản photo mục lục của tạp chí có tên bài báo, nghiên cứu khoa học và bản photo bài báo, nghiên cứu khoa học được đăng tải.

**3. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân của tôn tại, hạn chế (nếu có)**

**4. Phương hướng nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị (nếu có)**

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung báo cáo trên đây.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)*

**Phụ lục III**

**BÁO CÁO DANH SÁCH THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ TẠI DOANH NGHIỆP**  
**(Phục vụ thông báo Danh sách thẩm định viên về giá hằng năm)**

*(Kèm theo Thông tư số 38/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**TÊN DOANH NGHIỆP**  
**MÃ SỐ: ...../TĐG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

**DANH SÁCH THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ TẠI DOANH NGHIỆP**  
**(Phục vụ thông báo Danh sách thẩm định viên về giá hằng năm)**

Loại hình doanh nghiệp: .....<sup>i</sup>.....

TT	Họ tên	Năm sinh	Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (tích X nếu đúng)	Chức danh hành nghề (Tổng giám đốc/Giám đốc/Giám đốc chi nhánh/Thẩm định viên)	Tư cách thành viên tại doanh nghiệp <sup>ii</sup>	Thẻ thẩm định viên về giá		Xác nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá <sup>iii</sup>
						Số	Ngày cấp	
<b>Trụ sở chính</b>								
1								
2								

....								
<b>Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá</b>								
1								
....								

**\* Hồ sơ kèm theo gồm có:**

- Bản sao xác nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo lĩnh vực chuyên môn còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký hành nghề hoặc tài liệu chứng minh đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm ngày 01/01 của năm liền kề năm báo cáo;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản kê khai tỷ lệ vốn góp đối với thẩm định viên về giá là cổ đông đối với doanh nghiệp thẩm định giá là công ty cổ phần;

**\* Doanh nghiệp cam kết**

.....<sup>iv</sup> ..... xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Danh sách này.

2. ....<sup>iv</sup> ..... cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)

<sup>i</sup> Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần theo quy định tại Điều 49 Luật Giá năm 2023.

<sup>ii</sup> Thẩm định viên là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, chủ doanh nghiệp hay cổ đông sáng lập, người đại diện của thành viên là tổ chức tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 49 Luật Giá năm 2023.

<sup>iii</sup> Ghi rõ số xác nhận, thời gian khóa học và đơn vị tổ chức

<sup>iv</sup> Tên doanh nghiệp thẩm định giá